

- Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu N, chức vụ: Phó Chủ tịch; có đơn xét xử vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:* Ông Nguyễn Xuân T, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Hạ L; có đơn xét xử vắng mặt.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân phường Đại Y, thành phố Hạ L, tỉnh Quảng Ninh. Địa chỉ: phường Đại Y, thành phố Hạ L, tỉnh Quảng Ninh.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Bình T1, chức vụ: Chủ tịch; có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Người khởi kiện bà Vũ Thị L trình bày và yêu cầu: Bà Vũ Thị L sử dụng 1.717m² đất tại Tổ 3, khu Cầu T, phường Đại Y, thành phố Hạ L, trong đó có 1129,5m² thuộc thửa số 7, tờ bản đồ 131, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt: GCNQSDĐ) ngày 01/3/2011, 643,3m² thuộc thửa số 6, tờ bản đồ 158, được cấp giấy GCNQSDĐ ngày 10/01/2011, có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ năm 2003, phần đất còn lại là đất ngoài GCNQSDĐ. Khi thực hiện dự án đường cao tốc Hạ L - Vân Đ đã thu hồi, bồi thường 1.322,9m² còn lại 394,1m², thuộc ô đất số 3/144/ĐC (UBND xã, đất suối) ngoài giấy chứng nhận diện tích 0,9m², Thửa số 4/144/ĐC (Trần Văn G, vườn) ngoài giấy chứng nhận 3,4m², thửa 6/131/ĐC (UBND xã, đất suối ngoài giấy chứng nhận 71,8m², thửa số 7/131/ĐC (Trần Văn G) trong giấy chứng nhận 269,4m², thửa 17/132/ĐC (UBND xã, suối) 48,6m². Thực hiện dự án nút giao thông Minh K phường Đại Y, thành phố Hạ L, ngày 07/12/2018 UBND thành phố Hạ L đã ban hành Quyết định số 8373/QĐ – UBND, thu hồi 3332,4m² đất của 10 hộ gia đình, trong đó có bà Vũ Thị L diện tích 394,1m²; ngày 28/2/2019 ban hành Quyết định 1060/QĐ – UBND, về việc thu hồi 11412,7m² đất đối với 13 hộ gia đình, trong đó hộ bà Vũ Thị L 89,2m²; Ngày 18/02/2019, UBND thành phố Hạ L ban hành Quyết định số 1061/QĐ-UBND, phê duyệt phương án bồi thường đối với bà L số tiền đất trồng cây lâu năm 6.465.000đồng; Ngày 13/12/2018, UBND thành phố Hạ L ban hành Quyết định số 8267/QĐ-UBND, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với bà L số tiền 20.205.000đồng, đối với diện tích đất nằm trong GCNQSDĐ; Ngày 29/5/2020, UBND thành phố Hạ L ban hành Quyết định số 4432/QĐ – UBND, nội dung hỗ trợ cho hộ bà L số tiền 111.530.056đồng là tiền hỗ trợ công trình kê đá trong Giấy chứng nhận được hỗ trợ 50% (9.003.000đồng), ngoài Giấy chứng nhận 30% (102.527.056đồng). Không đồng ý với việc hỗ trợ công trình kê tại phương án bồi thường, bà L khởi kiện yêu cầu giải quyết: huỷ Quyết định số 4432/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 của UBND thành phố Hạ L, về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hạng mục: Hoàn chỉnh nút giao Minh K theo quy hoạch được phê duyệt nhằm kết nối tuyến đường cao tốc Hạ L với cầu Bạch Đ, tại phường Đại Y, thành phố Hạ L; Buộc UBND thành phố Hạ L phải lập lại phương án bồi thường 100% vật kiến trúc là kê đá. Để chứng minh cho yêu cầu

khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, bà L nộp Phương án bồi thường; Vi bằng số 42/2021/VB-TPLHL ngày 31/3/2021 bà Vũ Thị L tổ 5 khu 6, phường Hồng H, thành phố Hạ L... và cho rằng toàn bộ công trình kê trên đất bị thu hồi được xây dựng năm 2003 và không bị xử phạt hành chính, nên phải được bồi thường 100% giá trị theo quy định của pháp luật.

2. Tại Văn bản ý kiến và bản tự khai của người bị kiện: Theo bản chứng nhận nhà đất, đối tượng bồi thường do UBND phường Đại Y lập ngày 05/10/2018. Thửa đất số 03/02/BĐGPMB: Tổng diện tích đất đang sử dụng: 1717 m²; diện tích đã thu hồi đường cao tốc Hạ L - Vân Đ: 1322,9m²; diện tích đất thu hồi nút giao Minh K : 394,1m². Trong đó: diện tích thửa 3/144/ĐC (UBND xã, đất suối), ngoài giấy cấp: 0,9m²; diện tích thửa 4/144/ĐC (Trần Văn G, vườn), ngoài giấy cấp: 3,4m²; diện tích thửa 6/131/ĐC (UBND xã, đất suối), ngoài giấy cấp: 71,8m²; diện tích thửa 7/131/ĐC(Trần Văn G, vườn), trong giấy cấp: 269,4m²; diện tích thửa 17/132/ĐC (UBND xã, suối): 48,6m². Diện tích đất còn lại: 00m². Tại hồ sơ địa chính năm 2003 là: Thửa số 7, tờ bản đồ địa chính số 131, mang tên chủ sử dụng Trần Văn G; Một phần thửa đất số 17, tờ bản đồ địa chính số 132, là đất suối; Một phần thửa đất số 6, tờ bản đồ địa chính số 131, là đất suối. Đối với phần diện tích đất nằm trong GCNQSDĐ: Nguồn gốc đất được UBND thành phố Hạ L cấp GCNQSDĐ, số BĐ 390313, năm 2011, mang tên Vũ Thị L, diện tích cấp 1129,5m² (200m² đất ở, 959,5m² đất trồng cây lâu năm). Quá trình sử dụng từ năm 1978 đến năm 2003, do gia đình ông Trần Văn G quản lý sử dụng để làm vườn, từ năm 2003 đến nay do gia đình bà Vũ Thị L quản lý sử dụng nhưng không để ở. Tình trạng tranh chấp: Không; Đối với phần diện tích đất nằm ngoài GCNQSDĐ: Đất suối thửa 71/02/BĐGPMB: Tổng diện tích đất đang sử dụng 722,9m², diện tích đã thu hồi đường cao tốc Hạ L - Vân Đ: 633,7m², diện tích đất thu hồi nút giao Minh K : 89,2m². Thu hồi hết (Trong đó: diện tích thửa 5/158/ĐC (Mường, UBND xã), ngoài giấy cấp: 3m²; diện tích thửa 6/158/ĐC năm 2003(Phạm Quốc P), trong giấy cấp: 86,2 m²; Diện tích đất còn lại: 00 m². Tại hồ sơ địa chính năm 2003 là thửa số 6, tờ bản đồ địa chính số 158, mang tên chủ sử dụng Phạm Quốc P; Đối với phần diện tích đất nằm trong GCNQSDĐ: Nguồn gốc đất được UBND thành phố Hạ L cấp GCNQSDĐ, số BĐ 412357, ngày 10/01/2011, mang tên Vũ Thị L, diện tích cấp 643,3m² (200m² đất ở, 443,3m² đất trồng cây lâu năm). Quá trình sử dụng từ trước năm 2003 do chủ cũ quản lý và sử dụng, từ năm 2003 đến nay do gia đình bà Vũ Thị L quản lý, sử dụng nhưng không để ở. Tình trạng tranh chấp: Không. Văn bản số 237/UBND ngày 17/4/2020 của UBND phường Đại Y xác minh, thời điểm xây dựng công trình của hộ bà Vũ Thị L: Kè đá (trên thửa 3+71/2/GPMB) xây dựng sau thời điểm cấp GCNQSDĐ (năm 2011) và trước ngày 01/7/2014, khi xây dựng không bị lập biên bản xử lý vi phạm hành chính. Về phương án bồi thường, hỗ trợ: Phương án bồi thường, hỗ trợ được UBND thành phố phê duyệt tại các Quyết định số 8627/QĐ-UBND ngày 13/12/2018; Quyết định số 1061/QĐ-UBND ngày 18/02/2019; Quyết định số 4432/QĐ-UBND ngày 29/5/2020, cụ thể: Thửa 3/2/BĐGPMB tại dự án đường cao tốc đã bồi thường 200m² đất ở, trong giấy cấp + 647,8 m² đất TCLN; Bồi thường đất TCLN thu hồi vĩnh viễn thửa 7/131/ĐC (Trần Văn G, vườn), trong giấy cấp: 269,4 m² x 76.000đ/m² x 100%. Theo điều 75 Luật Đất đai

năm 2013; Phần diện tích nằm trên thửa 3/144/ĐC (UBND xã, đất suối); $0,9\text{m}^2$ + diện tích thửa 4/144/ĐC (Trần Văn G, vườn), ngoài giấy cấp: $3,4\text{m}^2$ + diện tích thửa 6/131/ĐC (UBND xã, đất suối), ngoài giấy cấp: $71,8\text{m}^2$ + diện tích thửa 17/132/ĐC (UBND xã, suối): $48,6\text{m}^2$. Không bồi thường, không hỗ trợ. Theo khoản 4, điều 72 Luật Đất đai năm 2013. Kiến trúc: Phần kê đá xây dựng trong giấy cấp: Hỗ trợ 50% (xây dựng trong đất nông nghiệp không phải vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở sau ngày 01/7/2004 và trước ngày 01/7/2014 theo điểm b, khoản 1, Điều 25 Quyết định số 3000/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh); Phần kê đá xây dựng ngoài giấy cấp: Hỗ trợ 30% (xây dựng trên đất không được bồi thường sau ngày 01/7/2004 và trước ngày 01/7/2014 theo điểm c, khoản 2, Điều 25 Quyết định số 3000/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh). Thửa 71/2/GPMB tại dự án đường cao tốc đã bồi thường 200m^2 đất ở (trong giấy cấp) + $327,7\text{m}^2$ đất TCLN (trong giấy cấp), Bồi thường đất trồng cây lâu năm thu hồi vĩnh viễn thửa 6/158/ĐC (Phạm Quốc P), trong giấy cấp: $86,2\text{m}^2 \times 76.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 100\%$. Theo điều 75 Luật Đất đai năm 2013; Diện tích thửa 5/158/ĐC (Mường, UBND xã), ngoài giấy cấp: 3m^2 : Không bồi thường, không hỗ trợ. Theo khoản 4, điều 72 Luật Đất đai năm 2013. Kiến trúc: Phần kê đá xây dựng trong giấy cấp: Hỗ trợ 50% (xây dựng trong đất nông nghiệp không phải vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở sau ngày 01/7/2004 và trước ngày 01/7/2014 theo điểm b, khoản 1, Điều 25 Quyết định số 3000/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh); Phần kê đá xây dựng ngoài giấy cấp: Hỗ trợ 30% (xây dựng trên đất không được bồi thường sau ngày 01/7/2004 và trước ngày 01/7/2014 theo điểm c, khoản 2, Điều 25 Quyết định số 3000/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh). Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: 138.200.000,00đồng.

Ngày 11/9/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 11/6/2021 về xem xét thẩm định tại chỗ hiện trạng sử dụng đất của bà Vũ Thị L đối với thửa đất tại tổ 3, khu Cầu T, phường Đại Y và kết quả đo vẽ lồng ghép kiến trúc (kê đá) đối với thửa đất số 03/2/GPMB, thửa 71/2/GPMB không còn hiện trạng, trong giấy cấp và ngoài giấy cấp của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường ngày 17/6/2021. Trung tâm Phát triển quỹ đất lập phương án bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) cho bà Vũ Thị L, địa chỉ GPMB tại tổ 2, khu Cầu T, phường Đại Y, địa chỉ thường trú tại tổ 5, khu 6, phường Hồng H, thành phố Hạ L, trình UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 9771/QĐ-UBND ngày 28/10/2021, cụ thể: Kiến trúc: Tổng khối lượng phần kê đá xây dựng trên thửa 3/2/GPMB là $281,17\text{m}^3$ (tăng $32,69\text{m}^3$ so với khối lượng phần kê đá được xác định tại Quyết định 4432/QĐ-UBND, tại Quyết định 4432/QĐ-UBND xác định tổng khối lượng phần kê đá xây trên thửa 3/2/GPMB là $248,48\text{m}^3$). Mặt khác, xác định lại phần kê đá xây dựng ngoài giấy cấp: Hỗ trợ 30% (xây dựng trên đất không được bồi thường sau ngày 01/7/2004 và trước ngày 01/7/2014 theo điểm c, khoản 2, Điều 25 Quyết định số 3000/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh). Do đó, tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung: 11.289.000,00đồng. Quan điểm của UBND thành phố Hạ L: Tại thời điểm thu hồi đất và lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối bà Vũ Thị L đúng theo Luật Đất đai năm 2013 và các Văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2013 đang có hiệu lực.

Về nội dung yêu cầu hủy Quyết định số 4432/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 của UBND thành phố Hạ L, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung của bà Vũ Thị L; Buộc UBND Thành phố lập lại phương án và bồi thường 100% vật kiến trúc là kê đá cho gia đình bà L. Căn cứ theo bản chứng nhận nhà, đất ngày ngày 05/10/2018 của UBND phường Đại Y xác nhận, theo Khoản 1 và 2 Điều 92 Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013, cụ thể về trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường tài sản gắn liền với đất: "1. Tài sản gắn liền với đất thuộc một trong các trường hợp thu hồi đất quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, i khoản 1 Điều 64 và điểm b, d khoản 1 Điều 65 của Luật này; 2. Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền". Căn cứ theo điểm b, Khoản 1, Điều 25 quy định kèm theo Quyết định số 3000/2017/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh, quy định về hỗ trợ khác đối nhà và công trình khác xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất: Xây dựng trên đất nông nghiệp (không phải là đất vườn ao trong thửa đất có nhà ở), cụ thể: "Xây dựng từ 01/7/2004 đến trước 01/7/2014 thì được hỗ trợ 50% giá trị nhà, công trình". Căn cứ theo điểm c, Khoản 2, Điều 25 quy định kèm theo Quyết định số 3000/2017/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh, quy định về hỗ trợ khác đối nhà và công trình khác xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất, cụ thể: "Xây dựng từ 01/7/2004 đến trước 01/7/2014 thì được hỗ trợ 30% giá trị". Căn cứ Văn bản số 237/UBND ngày 17/4/2020 của UBND phường Đại Y xác minh thời điểm xây dựng công trình của hộ bà Vũ Thị L: Kê đá (trên thửa 3+71/2/GPMB) xây dựng sau thời điểm cấp GCNQSDĐ (năm 2011) và trước ngày 01/7/2014, khi xây dựng không bị lập biên bản xử lý vi phạm hành chính. Đối chiếu với các quy định trên công trình kiến trúc xây dựng trong GCNQSDĐ: Xây dựng trên đất nông nghiệp (không phải là đất vườn ao trong thửa đất có nhà ở) được hỗ trợ 50% giá trị công trình, công trình kiến trúc xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất, được hỗ trợ 30% giá trị công trình của hộ bà Vũ Thị L là đúng theo quy định tại thời điểm lập phương án bồi thường, hỗ trợ. UBND thành phố Hạ L đề nghị bác đơn khởi kiện của hộ bà Vũ Thị L. Vì các lý do trên, việc hộ bà Vũ Thị L yêu cầu: Yêu cầu hủy Quyết định số 4432/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 của UBND thành phố Hạ L, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung của bà Vũ Thị L; Buộc UBND Thành phố lập lại phương án và bồi thường 100% vật kiến trúc là kê đá cho gia đình bà L là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

3. Đại diện UBND phường Đại Y: thống nhất như người bị kiện.

Sau khi xem xét thẩm định tại chỗ, Ủy ban nhân dân thành phố Hạ L ban hành Quyết định số 9771/QĐ-UBND ngày 28/10/2021, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) cho bà Vũ Thị L, cụ thể: Kiến trúc: Tổng khối lượng phần kê đá xây dựng trên thửa 3/2/GPMB là 281,17m³ (tăng 32,69m³ so với khối lượng phần kê đá được xác định tại Quyết định 4432/QĐ-UBND, tại Quyết định 4432/QĐ-UBND xác định tổng khối lượng phần kê đá xây trên thửa 3/2/GPMB là 248,48 m³). Mặt khác, Ủy ban nhân dân thành phố Hạ L xác định lại phần kê đá xây dựng ngoài giấy cấp: Hỗ trợ 30% (xây dựng trên đất không được bồi thường sau ngày 01/7/2004 và trước ngày 01/7/2014 theo điểm c, khoản

2, Điều 25 Quyết định số 3000/2017/QĐ-UBND của UBND Tỉnh). Do đó, tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung: 11.289.000,00đồng.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2022/HC-ST ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, đã quyết định: Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của của bà Vũ Thị L về việc: Yêu cầu tuyên huỷ Quyết định số 4432/QĐ - UBND ngày 29/5/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hạ L, về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hạng mục: Hoàn chỉnh nút giao Minh K theo quy hoạch được phê duyệt nhằm kết nối tuyến đường Cao Tốc Hạ L với cầu Bạch Đ, tại phường Đại Y, thành phố Hạ L được bồi thường, hỗ trợ bổ sung tại Quyết định số 9771/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hạ L, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho bà Vũ Thị L, địa chỉ GPMB tại tổ 2, khu Cầu T, phường Đại Y, địa chỉ thường trú tại tổ 5, khu 6, phường Hồng H, thành phố Hạ L, thuộc diện GPMB: Hoàn chỉnh nút giao Minh K theo quy hoạch được duyệt nhằm kết nối tuyến đường cao tốc Hạ L - Hải Phòng, cao tốc Hạ L – Vân Đ và Quốc lộ 18^a thuộc dự án: Đường nối thành phố Hạ L với cầu Bạch Đ, tại phường Đại Y, thành phố Hạ L; Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Hạ L phải lập lại phương án bồi thường 100% vật kiến trúc là kè đá. Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/4/2022, bà Vũ Thị L kháng cáo với nội dung: đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của bà L.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có đơn xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đề nghị chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị L .

Người bị kiện, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan: Về tố tụng quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính; những người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; tại phiên tòa các đương sự xin xử vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật. Về hướng giải quyết vụ án, sau khi phân tích nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Bác kháng cáo của bà Vũ Thị L và giữ nguyên Bản án Hành chính sơ thẩm số 12/2022/HC-ST ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính; Các đương sự trong vụ án đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt theo Điều 255 Luật Tố tụng hành chính. Kháng cáo của người khởi kiện trong thời hạn luật định, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về đối tượng, thời hiệu, thẩm quyền khởi kiện: Ngày 16/8/2020, bà Vũ Thị L khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 4432/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 của UBND thành phố Hạ L, về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; được bồi thường, hỗ trợ bổ sung tại Quyết định số 9771/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 của UBND thành phố Hạ L. Mặc dù là những quyết định không bị khiếu kiện, nhưng có liên quan đến quyết định bị khiếu kiện, nên cũng được xem xét tính hợp pháp trong vụ án là Quyết định số 8373/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 thu hồi đất của 10 hộ gia đình trong đó có bà Vũ Thị L diện tích 394,1m²; Quyết định 1060/QĐ-UBND ngày 28/2/2019, về việc thu hồi 11412,7m² đất đối với 13 hộ gia đình, trong đó hộ bà Vũ Thị L 89,2m²; Quyết định số 1061/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định số 8267/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với bà L. Đây là các quyết định hành chính trong hoạt động quản lý nhà nước về đất đai quy định tại Điều 22 Luật Đất đai, nên thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu, thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính thụ lý, giải quyết là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành: Quyết định số 4432/QĐ-UBND (được bồi thường, hỗ trợ bổ sung tại Quyết định số 9771/QĐ-UBND ngày 28/10/2021) và Quyết định số 8373/QĐ-UBND, Quyết định số 1060/QĐ-UBND, Quyết định số 1061/QĐ-UBND, Quyết định số 8267/QĐ-UBND được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại khoản 8 Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định số 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Quyết định số 3000/2018/QĐ-UBND ngày 02/8/2018 của UBND tỉnh Quảng Ninh và các căn cứ pháp lý được áp dụng đều là văn bản pháp luật hiện hành, đang có hiệu lực tại thời điểm ban hành quyết định. Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc ban hành phù hợp với pháp luật là có căn cứ.

[4]. Về căn cứ ban hành các quyết định bị khởi kiện:

[4.1]. Căn cứ bản chứng nhận nhà đất, đối tượng bồi thường do UBND phường Đại Y lập ngày 05/10/2018. Đối với Thửa đất số 03/02/BĐGPMB: Tổng diện tích đất đang sử dụng 1.717m²; Diện tích đã thu hồi đường cao tốc Hạ L - Vân Đ: 1322,9m²; Diện tích đất thu hồi nút giao Minh K : 394,1m². Trong đó: Diện tích thửa 3/144/ĐC (UBND xã, đất suôi), ngoài giấy cấp: 0,9m²; Diện tích thửa 4/144/ĐC (Trần Văn G, vườn), ngoài giấy cấp: 3,4m²; Diện tích thửa 6/131/ĐC (UBND xã, đất suôi), ngoài giấy cấp: 71,8m²; Diện tích thửa 7/131/ĐC (Trần Văn G, vườn), trong giấy cấp: 269,4m²; Diện tích thửa

17/132/ĐC (UBND xã, suối): 48,6m²; Diện tích đất còn lại: 00m². Hồ sơ địa chính năm 2003 thể hiện là: Thửa số 7, tờ bản đồ địa chính số 131, mang tên chủ sử dụng Trần Văn G; Một phần thửa đất số 17, tờ bản đồ địa chính số 132, là đất suối; Một phần thửa đất số 6, tờ bản đồ địa chính số 131, là đất suối. Phần diện tích đất nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất(GCNQSDĐ), nguồn gốc đất được UBND thành phố Hạ L cấp chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 390313 năm 2011 mang tên Vũ Thị L, diện tích cấp 1129,5 m²(200m² đất ở và 959,5m² đất trồng cây lâu năm); quá trình sử dụng từ năm 1978 đến năm 2003 do gia đình ông Trần Văn G quản lý sử dụng để làm vườn, từ năm 2003 đến nay do gia đình bà Vũ Thị L quản lý sử dụng nhưng không để ở, không có tranh chấp, đối với diện tích nằm ngoài GCNQSDĐ là: Đất suối. Đối với Thửa 71/02/BĐGPMB: Tổng diện tích đất đang sử dụng 722,9m²; Diện tích đã thu hồi đường cao tốc Hạ L - Vân Đ: 633,7m², Diện tích đất thu hồi nút giao Minh K : 89,2m². Thu hồi hết (Trong đó: Diện tích thửa 5/158/ĐC (Mường, UBND xã), ngoài giấy cấp: 3m²; Diện tích thửa 6/158/ĐC năm 2003(Phạm Quốc P), trong giấy cấp: 86,2m²; Diện tích đất còn lại: 00 m²). Tại hồ sơ địa chính năm 2003 là thửa số 6, tờ bản đồ địa chính số 158, mang tên chủ sử dụng Phạm Quốc P. Đối với phần diện tích đất nằm trong GCNQSDĐ, nguồn gốc đất được UBND thành phố Hạ L cấp GCNQSDĐ số BĐ 412357 ngày 10/01/2011 mang tên Vũ Thị L, diện tích cấp 643,3m²(200m² đất ở và 443,3m² đất trồng cây lâu năm). Quá trình sử dụng từ trước năm 2003 do chủ cũ quản lý và sử dụng, từ năm 2003 đến nay do gia đình bà Vũ Thị L quản lý sử dụng nhưng không để ở. Diện tích đất hộ bà L thực tế sử dụng nằm trong quy hoạch và ranh giới giải phóng mặt bằng thực hiện dự án, UBND thành phố Hạ L ban hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về phần đất tại Quyết định số 8373/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 thu hồi đất của hộ gia đình bà Vũ Thị L diện tích 394,1m², ban hành Quyết định số 8267/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với bà L số tiền 20.205.000đồng, về diện tích đất trong giấy chứng nhận là đúng theo quy định. Bà L không tranh chấp về các nội dung này nên phù hợp với pháp luật.

[4.2]. Người khởi kiện cung cấp Vi bằng số 42/2021/VB-TPLHL ngày 31/3/2021 thể hiện thời điểm lập vi bằng ông bà Phạm Thanh H, Đào Thế V, Chu Bá T, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thị M tham gia Vi bằng trình bày nội dung thời điểm bà L xây kè đá khoảng năm 2003. Tuy nhiên, với nội dung vi bằng cũng chỉ thể hiện thời điểm họ trình bày lại, những người có tên trong vi bằng không đưa ra được căn cứ (Vi bằng không ghi nhận vào sự kiện bà L xây kè) chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ. Bà L không cung cấp được tài liệu khác để chứng minh cho thời điểm xây kè vào năm 2003, nên chưa đủ cơ sở để chứng minh thời điểm xây kè đá vào năm 2003 của hộ bà L trên đất bị thu hồi. Tại Văn bản xác minh của UBND phường Đại Y số 237/UBND ngày 17/4/2020 có nội dung bà Nguyễn Thị M, Phạm Văn V có cung cấp thông tin bà L xây dựng kè đá khoảng năm 2003 và ông Bùi Văn L, Lê Mạnh L, Nguyễn Văn T2, Lê Văn T3, Đặng Kiều V1, Phạm Tiến S, Trần Văn X đều xác nhận hộ bà L là người xây kè nhưng không nhớ thời gian, nên UBND phường Đại Y căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2011, xác định thời điểm

xây dựng kè đá sau thời điểm cấp GCNQSDĐ năm 2011. Căn cứ vào hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ của hộ bà Vũ Thị L năm 2010, 2011 và GCNQSDĐ, kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện: Đối với thửa đất số 06, tờ bản đồ địa chính 158 theo Biên bản xác minh nguồn gốc quá trình sử dụng đất ngày 22/9/2010, thể hiện tại mục 3 phần đất thực tế sử dụng chênh lệch so với bản đồ địa chính 34,75m², phần chênh lệch thuộc thửa số 7 và 11, tờ bản đồ 158 và mục 5 thống nhất cho bà L được đăng ký bổ sung diện tích đất trên, nên trong trường hợp này hiện trạng sử dụng đất khi cấp giấy chứng nhận, bao gồm cả phần trong thửa địa chính và phần ngoài thửa địa chính lấn sang thửa 07, 11 tờ bản đồ 158 (Tổng diện tích thửa 6 và một phần thửa 07, 11 có diện tích 643,3m²; trong đó thửa 7 và 11, diện tích 34,75 m²), không bao gồm phần đất có kè đá phía ngoài thửa đất, thể hiện kè đá được hình thành sau thời điểm 2010, nên kè đá mới có hiện trạng được xây dựng một phần của kè nằm trong thửa đất (Dài 2,95m), một phần lớn còn lại của kè (Dài 13,82m) nằm ngoài thửa đất, diện tích đất được mở rộng so với thời điểm cấp GCNQSDĐ về phía bờ suối (90,1m²) như hiện nay. Đối với thửa đất số 07, tờ bản đồ địa chính 131 theo Biên bản xác minh nguồn gốc quá trình sử dụng đất năm 2010, thể hiện tại mục 3 phần đất thực tế sử dụng chênh lệch so với bản đồ địa chính 204,9m², phần chênh lệch thuộc thửa số 8, tờ bản đồ 132 và mục 5 thống nhất cho bà L được đăng ký bổ sung diện tích đất trên, trong trường hợp này hiện trạng sử dụng đất khi cấp giấy chứng nhận, bao gồm cả phần trong thửa địa chính và phần ngoài thửa địa chính lấn sang thửa 7, tờ bản đồ 131 và diện tích 204,9m² thuộc tờ bản đồ 132, không bao gồm phần đất có kè đá phía ngoài thửa đất; Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/6/2021, xác định toàn bộ kè đá được xây dựng nằm ngoài thửa đất được cấp GCNQSDĐ, thể hiện kè đá được hình thành sau thời điểm 2010, nên kè đá mới có hiện trạng được xây dựng nằm ngoài thửa đất, diện tích được mở rộng so với thời điểm cấp GCNQSDĐ về phía bờ suối như hiện nay. Diện tích đất lấn ra phía suối nằm ngoài GCNQSDĐ, không có một trong giấy tờ quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, nên không thuộc trường hợp xem xét bồi thường theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP. Với căn cứ trên, phần đất ngoài giấy chứng nhận được lấn ra ngoài phía bờ suối sau khi được cấp giấy chứng nhận (Thời điểm sau 2011), phần đất này không được bồi thường về đất và tài sản trên đất, phần công trình nằm trong giấy chứng nhận được xây dựng trên đất trồng cây lâu năm, nên không được bồi thường nhưng phần công trình trên đất đã được hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 3000/2017/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh, nên nội dung phương án bồi thường và bồi thường bổ sung là đúng quy định và đảm bảo quyền lợi của người bị thu hồi đất. Phù hợp Khoản 1 và 2 Điều 92 Luật Đất đai, Điều 92, Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 cụ thể về trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường tài sản gắn liền với đất: "Tài sản gắn liền với đất thuộc một trong các trường hợp thu hồi đất quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, i khoản 1 Điều 64 và điểm b, d khoản 1 Điều 65 của Luật này; Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ

sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền". Điểm b, Khoản 1, Điều 25 quy định kèm theo Quyết định số 3000/2017/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh, quy định về hỗ trợ khác đối nhà và công trình khác xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất: Xây dựng trên đất nông nghiệp (không phải là đất vườn ao trong thửa đất có nhà ở), cụ thể "Xây dựng từ 1/7/2004 đến trước 1/7/2014 thì được hỗ trợ 50% giá trị nhà, công trình". Căn cứ theo điểm c, Khoản 2, Điều 25 quy định kèm theo Quyết định số 3000/2017/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh, quy định về hỗ trợ khác đối nhà và công trình khác xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất, cụ thể "Xây dựng từ 01/7/2004 đến trước 01/7/2014 thì được hỗ trợ 30% giá trị". Như vậy, Ủy ban nhân dân thành phố Hạ L đã ban hành các Quyết định: Quyết định số 4432/QĐ-UBND, Quyết định số 9771/QĐ-UBND ngày 28/10/2021, Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) cho bà Vũ Thị L, cụ thể: Kiến trúc: Tổng khối lượng phần kê đá xây dựng trên thửa 3/2/GPMB là 281,17 m³ (tăng 32,69m³ so với khối lượng phần kê đá được xác định tại Quyết định 4432/QĐ-UBND, tại Quyết định 4432/QĐ-UBND xác định tổng khối lượng phần kê đá xây trên thửa 3/2/GPMB là 248,48m³). Mặt khác, xác định lại toàn bộ phần kê đá xây dựng ngoài giấy cấp, do đó hỗ trợ 30% (xây dựng trên đất không được bồi thường sau ngày 01/7/2004 và trước ngày 01/7/2014 theo điểm c, khoản 2, Điều 25 Quyết định số 3000/2017/QĐ-UBND của UBND Tỉnh). Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung: 11.289.000,00đồng. Quyết định số 4432/QĐ-UBND và Quyết định số 9771/QĐ-UBND phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ bà L đối với phần kê đá theo quy định trên là phù hợp với pháp luật.

[4.3]. Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với nhận định nêu trên của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh và xác định Quyết định số 4432/QĐ - UBND ngày 29/5/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hạ L, về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hạng mục: Hoàn chỉnh nút giao Minh K theo quy hoạch được phê duyệt nhằm kết nối tuyến đường Cao tốc Hạ L với cầu Bạch Đ, tại phường Đại Y, thành phố Hạ L được bồi thường, hỗ trợ bổ sung tại Quyết định số 9771/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hạ L, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho bà Vũ Thị L, địa chỉ GPMB tại tổ 2, khu Cầu T, phường Đại Y, địa chỉ thường trú tại tổ 5, khu 6, phường Hồng H, thành phố Hạ L, thuộc diện GPMB: Hoàn chỉnh nút giao Minh K theo quy hoạch được duyệt nhằm kết nối tuyến đường cao tốc Hạ L - Hải P, cao tốc Hạ L – Vân Đ và Quốc lộ 18^a thuộc dự án: Đường nối thành phố Hạ L với cầu Bạch Đ, tại phường Đại Y, thành phố Hạ L phù hợp pháp luật, nên đã bác yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị L là có căn cứ.

[5]. Xét kháng cáo của bà Vũ Thị L: Tại cấp phúc thẩm, bà Vũ Thị L không cung cấp được chứng cứ mới nào khác cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị L, cấp phúc thẩm bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6]. Quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Xét thấy, các căn cứ và lập luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về án phí: Bà Vũ Thị L kháng cáo không được chấp nhận, phải nộp án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác yêu cầu kháng cáo của bà Vũ Thị L.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2022/HC-ST ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

3. Về án phí: Bà Vũ Thị L phải nộp án 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do bà Vũ Thị L đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0015905 ngày 11/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. (bà L đã nộp đủ)

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Các Đường sự; (theo Địa chỉ)
- Lưu Hồ sơ; HCTP.

Đặng Đình Lực